

Số: 2076/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phân công phối hợp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương;

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;



Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013, về việc công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và người đại diện vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ

Tài chính ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phân công, phối hợp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch, Tổ chức cán bộ, Thi đua Khen thưởng và Tuyên truyền; Thanh tra Bộ; các viên chức quản lý doanh nghiệp: Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Tài nguyên- Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Môi trường miền Nam; Người đại diện tại Công ty Cổ phần Thiết bị Khí tượng Thủy văn và Môi trường Việt Nam (Hymetco); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Cục TCDN (Bộ Tài chính);
- Các Thủ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ;
- Lưu: VT, TC, K. Hg.(45).

Qu *HT*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Chu Phạm Ngọc Hiền

QUY CHẾ

Phân công, phối hợp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý

(Kèm theo Quyết định số: 2076/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc phân công, phối hợp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của các Vụ chức năng, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ) quản lý.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế:

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính trực thuộc Bộ.

b) Các doanh nghiệp trực thuộc Bộ:

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ đến 50% vốn điều lệ;

c) Người đại diện theo uỷ quyền đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện);

d) Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ quản lý (sau đây gọi tắt là Kiểm soát viên).

Điều 2. Mục tiêu

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Bộ trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Tăng cường thực hiện cơ chế công khai, dân chủ, minh bạch trong việc thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động của doanh nghiệp

1. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được thực hiện theo đúng Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của nhà nước.

2. Các doanh nghiệp tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật của nhà nước, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo và ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu vốn nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ sở hữu vốn nhà nước chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của doanh nghiệp theo pháp luật trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp và kiểm tra một số nội dung theo kế hoạch giám sát hàng năm được Bộ trưởng phê duyệt và ban hành.

3. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp do các Vụ chức năng trực thuộc Bộ và Thanh tra Bộ thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật và theo phân công của Bộ tại Quy chế này.

Chương II

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ QUẢN LÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP DO BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ

Điều 4. Đầu mối thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Vụ Tài chính là đơn vị đầu mối tổng hợp kết quả thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời là đầu mối giám sát doanh nghiệp, tổng hợp kết quả giám sát doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Vụ Tổ chức cán bộ là đơn vị đầu mối theo dõi, tổng hợp, trả lời các báo cáo và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên và Người đại diện.

Điều 5. Quản lý việc thành lập, giải thể, đăng ký kinh doanh, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, xếp hạng doanh nghiệp

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

a) Thành lập, sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động, giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

b) Đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

c) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (Điều lệ Công ty), thực hiện theo quy định tại Nghị định số

19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ, quy chế của người đại diện, người đại diện giữ trách nhiệm lãnh đạo doanh nghiệp và quy chế của kiểm soát viên;

d) Xếp hạng doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 08 năm 2005 của liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính về hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước.

2. Phân công thực hiện

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, thẩm định và xử lý hồ sơ của doanh nghiệp trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt:

- Đề án thành lập, tổ chức lại, bổ sung ngành nghề đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Bộ, quyết định thành lập công ty con 100% vốn nhà nước của Tổng Công ty sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án.

- Thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác.

- Thẩm định Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ doanh nghiệp.

- Xếp hạng doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

b) Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ chức năng và các đơn vị liên quan thẩm định Phương án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trực thuộc.

Điều 6. Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

a) Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động (trong đó có việc tiếp nhận quỹ lương đơn giá của người lao động) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

b) Quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với viên chức quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9

năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013); Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với kiểm soát viên và người đại diện vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ (Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013).

2. Phân công thực hiện

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hướng dẫn việc thực hiện chế độ, chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng;

- Tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc xác định quỹ tiền lương tại các công ty trực thuộc Bộ theo quy định hiện hành;

- Thẩm định trình Bộ trưởng quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch và quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện đối với viên chức quản lý công ty, quản lý việc chi trả quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Kiểm soát viên và Người đại diện tại doanh nghiệp; báo cáo tổng hợp tiền lương, thù lao, tiền thưởng gửi về Bộ Lao động Thương binh và Xã hội theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013;

- Trình Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty;

- Trình Bộ trưởng quy định chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng; quyết định mức lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty;

- Trình Bộ trưởng cho ý kiến về chủ trương để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), kế toán trưởng doanh nghiệp;

- Phối hợp với các Vụ chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động, tiền lương đối với các Doanh nghiệp theo kế hoạch giám sát được Bộ trưởng phê duyệt.

Điều 7. Quản lý Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Nghị định số

71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013); Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013).

2. Phân công thực hiện

a) Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, quyết định các nội dung sau:

- Quyết định Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát;

- Kế hoạch xuất bản theo Luật xuất bản;

- Danh mục nhiệm vụ, nội dung khối lượng, kế hoạch đặt hàng cho các doanh nghiệp;

- Phối hợp với các Vụ chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển theo kế hoạch giám sát được Bộ trưởng phê duyệt.

b) Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định Kế hoạch tài chính dài hạn.

Điều 8. Quản lý vốn, tài sản, công nợ

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Phân công thực hiện

Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định các nội dung sau:

- Kế hoạch vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động; Quyết định về vốn điều lệ của của doanh nghiệp sau khi có thỏa thuận của Bộ Tài chính;

- Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

- Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp; Công văn gửi Bộ Tài chính thẩm định chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Kiểm tra thường xuyên việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

- Trả lời theo đề nghị của doanh nghiệp về việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết.

Điều 9. Giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013); Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Phân công thực hiện

a) Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ và các đơn vị liên quan, trình Bộ trưởng quyết định các nội dung sau:

- Kế hoạch giám sát tài chính doanh nghiệp hàng năm; tổ chức giám sát theo kế hoạch giám sát tài chính doanh nghiệp được phê duyệt;

- Kết quả rà soát Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của doanh nghiệp;

- Quyết toán tài chính các khoản nhà nước đặt hàng tại doanh nghiệp; thẩm định quyết toán vốn nhà nước đầu tư hàng năm, hoàn thành của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng theo quy định hiện hành;

- Trả lời doanh nghiệp về kế hoạch mời Kiểm toán độc lập;

- Kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm;

- Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định;

- Báo cáo giám sát tài chính 06 tháng đầu năm và cả năm tài chính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ;

- Đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của doanh nghiệp, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính thẩm định kết quả đánh giá xếp loại hoạt động của doanh nghiệp để công bố.

b) Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với các Vụ chức năng, các đơn vị liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ, gồm:

- Thanh tra theo kế hoạch được Bộ trưởng phê duyệt hoặc thanh tra đột xuất trong các trường hợp sau:

+ Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

+Theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng;

+ Bộ trưởng giao:

- Tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng khi được Bộ trưởng giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật Khiếu nại và Khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo.

Điều 10. Quản lý Người đại diện

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Người đại diện

Hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2. Phân công thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan, trình Bộ trưởng quyết định các nội dung sau:

- Chỉ định, miễn nhiệm Người đại diện;
- Ban hành Quy chế hoạt động Người đại diện theo quy định;
- Ban hành Quy chế đánh giá Người đại diện và chịu trách nhiệm đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với Người đại diện hàng năm;
- Phê duyệt Chương trình công tác năm của Người đại diện;
- Quản lý việc chi trả, quyết toán tiền lương, thù lao và lợi ích khác Người đại diện trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định;
- Theo dõi, tổng hợp, trả lời các báo cáo và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Người đại diện.

b) Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan, trình Bộ trưởng kết quả xử lý các công việc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ về công tác tài chính của Người đại diện.

Điều 11. Kiểm soát viên

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Kiểm soát viên

Hoạt động của Kiểm soát viên được thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

2. Phân công thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan, trình Bộ trưởng quyết định các nội dung sau:

- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với chức danh Kiểm soát viên;
- Quyết định nâng lương, tiền thưởng của Kiểm soát viên;

- Phê duyệt Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên;
- Ban hành Quy chế đánh giá Kiểm soát viên và chịu trách nhiệm đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Kiểm soát viên hàng năm;
- Phê duyệt Chương trình công tác năm của Kiểm soát viên;
- Quản lý việc chi trả, quyết toán tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định;
- Theo dõi, tổng hợp, trả lời các báo cáo và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Kiểm soát viên.

b) Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định kết quả xử lý các công việc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ về công tác tài chính của Kiểm soát viên.

Điều 12. Công khai thông tin

1. Các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng

Công khai tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp định kỳ 6 tháng, hằng năm theo quy định tại Chương IV Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Chương II Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.

2. Phân công thực hiện

a) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc công khai về thu nhập của Viên chức quản lý doanh nghiệp (bao gồm cả Người đại diện, Kiểm soát viên) thuộc trách nhiệm của Chủ sở hữu trên trang Web của Bộ theo nội dung, hình thức và thời gian quy định hiện hành.

b) Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc công khai thông tin tài chính (trừ điểm a khoản 2 Điều này) của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm của Chủ sở hữu trên trang Web của Bộ theo nội dung, hình thức và thời gian quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm cho Vụ trưởng Vụ Tài chính đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện những quy định tại Quy chế này; định kỳ báo cáo Bộ trưởng tình hình thực hiện trách nhiệm chủ sở hữu vốn nhà nước theo phân công; định kỳ hàng năm, chủ trì tổ chức tổng kết công tác thực hiện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trực thuộc Bộ.

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty có vốn nhà nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng chế độ, đúng tiến độ các quy định của pháp luật, báo cáo kịp thời tình hình hoạt động, các khó khăn, vướng mắc về Bộ.

3. Trách nhiệm của đơn vị đầu mối, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đơn vị đầu mối: nghiên cứu kỹ các văn bản của Chính phủ, của các Bộ ngành về lĩnh vực được giao để hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đôn đốc các doanh nghiệp, các đơn vị chấp hành chế độ báo cáo. Tham mưu, giúp việc cho Bộ trưởng trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chủ sở hữu, chủ động phối hợp, đôn đốc các Vụ, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân công tại Quy chế này, định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện theo lĩnh vực được phân công.

b) Đơn vị được giao chủ trì:

Đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức thực hiện và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời gian quy định. Trình Bộ trưởng kết quả xử lý văn bản trong thời gian 07 ngày làm việc. Trường hợp cần xin ý kiến của các đơn vị liên quan, phải gửi công văn xin ý kiến ngay sau khi nhận được văn bản; tổng hợp ý kiến của các đơn vị, phân tích và trình Bộ trưởng kết quả xử lý chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các đơn vị liên quan. Thường xuyên phối hợp và cung cấp thông tin cho đơn vị đầu mối về lĩnh vực được giao chủ trì để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

c) Đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp:


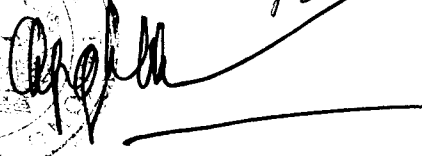
Các đơn vị phối hợp phải nghiên cứu đóng góp ý kiến, chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu góp ý của đơn vị chủ trì.

Điều 14. Hiệu lực pháp lý

1. Khi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy chế này thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối với các trường hợp khác không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cá nhân và đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Tài chính) để trình Bộ trưởng xem xét điều chỉnh./.


KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Chu Phạm Ngọc Hiền